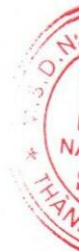


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG
SƠN HÀ**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của người đại diện theo pháp luật	3
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
5. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	5 - 8
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	9
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	10 - 11
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	12 - 45

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101809894, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 10 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 14 tháng 4 năm 2026 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh thiết bị năng lượng, kinh doanh xe máy điện và bán điện mặt trời áp mái.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 6265 6566
- Fax : 024 3265 6568

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch
Ông Hoàng Mạnh Tân	Phó chủ tịch
Bà Lương Diệu Cẩm	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Đình Quý	Thành viên
Ông Trần Ngọc Hùng	Thành viên
Bà Nông Thị Thanh Vân	Thành viên

Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Gấm	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thảo	Thành viên
Ông Trần Văn Thi	Thành viên

Ban Điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Ngọc Hùng	Giám đốc
Bà Trịnh Thị Kim Anh	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Ngọc Hùng – Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SON HÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi - Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.965.642.881.912	281.773.726.084
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33.525.904.182	2.198.213.082
1. Tiền	111		33.525.904.182	2.198.213.082
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		277.003.368.228	11.360.550.727
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	277.003.368.228	11.360.550.727
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.527.213.814.963	208.800.844.940
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.161.198.647.237	210.039.502.965
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	310.814.735.398	4.888.939.945
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	64.031.267.205	1.105.282.500
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(8.830.834.877)	(7.232.880.470)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	947.999.123.124	59.263.271.027
1. Hàng tồn kho	141		951.505.984.753	62.770.132.656
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(3.506.861.629)	(3.506.861.629)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		179.900.671.415	150.846.308
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	2.967.620.048	150.846.308
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		176.933.051.367	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG-LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		439.085.070.273	21.607.859.563
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.281.324.548	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	7.281.324.548	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		261.226.651.975	21.126.541.072
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	88.915.255.019	21.126.541.072
- Nguyên giá	222		238.894.143.333	39.406.774.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.978.888.314)	(18.280.233.491)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	143.733.941.746	-
- Nguyên giá	225		158.083.146.347	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(14.349.204.601)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	28.577.455.210	-
- Nguyên giá	228		32.937.102.244	159.181.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.359.647.034)	(159.181.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		1.545.498.666	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		1.545.498.666	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		158.786.427.260	-
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2b	158.760.000.000	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.2a	26.427.260	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		10.245.167.824	481.318.491
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	10.245.167.824	481.318.491
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		3.404.727.952.185	303.381.585.647

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.742.116.246.089	140.540.025.082
I. Nợ ngắn hạn	310		2.709.343.627.213	138.160.320.005
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	446.959.378.787	43.356.738.430
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	55.054.333.534	464.004.578
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.14	3.922.272.014	2.561.403.149
5. Phải trả người lao động	315		7.451.024.754	1.482.247.378
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.15	2.314.598.099	366.558.363
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.16	143.298.399.411	342.356.253
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.17a	2.047.186.442.737	87.740.763.667
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.18a	329.908.941	329.908.941
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	2.827.268.936	1.516.339.246
13. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		32.772.618.876	2.379.705.077
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337		-	-
6. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.17b	31.857.913.799	1.465.000.000
8. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	343	V.18b	914.705.077	914.705.077
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		662.611.706.096	162.841.560.565
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	650.039.190.000	149.531.560.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		650.039.190.000	149.531.560.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		1.101.120.105	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		(24.068.435.285)	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		35.539.831.276	13.310.000.565
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		13.136.000.565	13.310.000.565
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		22.403.830.711	-
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.404.727.952.185	303.381.585.647

Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Trần Thị Thùy Liên

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Kim Anh

Người đại diện theo pháp luật



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.993.414.636.966	200.790.965.081
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	10.279.048.224	3.385.454.433
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.983.135.588.742	197.405.510.648
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.846.354.336.610	185.246.204.602
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		136.781.252.132	12.159.306.046
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản, đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	23.286.515.774	2.823.208.542
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	63.266.528.377	2.477.929.836
Trong đó: chi phí đi vay	24		50.519.160.796	2.438.842.307
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	56.703.373.039	892.188.790
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	13.792.732.652	4.198.764.443
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.305.133.838	7.413.631.519
13. Thu nhập khác	31		60.688.200	38.388.423
14. Chi phí khác	32		36.068.262	708.337.087
15. Lợi nhuận khác	40		24.619.938	(669.948.664)
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.329.753.776	6.743.682.855
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.925.923.065	1.351.813.435
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.403.830.711	5.391.869.420
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		22.403.830.711	5.391.869.420
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	465	361
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	465	361

Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Trần Thị Thùy Liên

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Kim Anh

Người đại diện theo pháp luật



Trần Ngọc Hùng

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.329.753.776	6.743.682.855
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.9	11.814.058.438	1.004.399.653
- Các khoản dự phòng	03	VI.7	(30.000.000)	(10.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	2.313.298.594	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.4	(10.942.455.416)	(162.612.866)
- Chi phí đi vay	06	VI.5	50.519.160.796	2.438.842.307
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		80.003.816.188	10.014.311.949
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(176.488.370.076)	(45.411.456.162)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(337.556.893.958)	7.660.744.994
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		314.156.953.044	21.167.145.850
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(2.202.145.374)	243.914.962
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(48.439.168.336)	(2.435.420.411)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(5.253.318.119)	(2.099.656.515)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	400.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	-	(112.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(175.778.726.631)	(10.972.465.333)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.215.091.980)	(50.700.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(109.600.000.000)	(2.057.863.577)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		34.702.492.800	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	I.5a	15.971.108.641	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.205.219.734	106.995.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(70.936.270.805)	(1.991.568.493)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	1.714.839.567.506	75.194.545.502
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(1.427.369.076.115)	(63.908.081.161)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.17	(9.262.142.610)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>278.208.348.781</i>	<i>11.286.464.341</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		31.493.351.345	(1.677.569.485)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.198.213.082	3.956.588.389
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(165.660.245)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	33.525.904.182	2.279.018.904

Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Trần Thị Thùy Liên

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Kim Anh

Người đại diện theo pháp luật



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SON HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh thiết bị năng lượng, đồ dùng kim loại, kinh doanh xe máy điện và bán điện mặt trời áp mái.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Nhóm Công ty

Mua công ty con

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (lấy ý kiến bằng văn bản) số 06/2025/NQ-ĐHĐCĐ/SHE ngày 11 tháng 11 năm 2025 và nghị quyết Hội đồng quản trị số 17/2025/NQ-SHE ngày 17/11/2025, Công ty đã phát hành 50.050.763 cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ phần vốn tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (“SSP”) của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, với giá hoán đổi là 501.608.750.105 VND (10.022 VND/cổ phiếu), tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 500.507.630.000 VND. Ngày 24 tháng 2 năm 2026, Công ty đã ký hợp đồng hoán đổi phần vốn góp số 01/2026/HĐ/SHI-SHE với Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.

Theo báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi phần vốn góp số 01/2026/BCKQ-SHE ngày 27/02/2026 của Công ty và công văn số 1671/UBCK-QLCB ngày 03/3/2026 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi của Công ty, tổng số cổ phiếu Công ty đã phát hành là 50.050.763 cổ phiếu. Theo đó, SSP trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ sở hữu là 100%.

Mục đích của việc đầu tư vào SSP là giúp Công ty tăng trưởng quy mô vốn và tài sản, đồng thời mở rộng kinh doanh sang các mặt hàng ống inox (là thế mạnh của SSP).

Công ty xác định đây là giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung, do bên mua (Công ty) và bên bị mua (SSP) đều là công ty con của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Chính sách kế toán đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được trình bày tại Thuyết minh IV.3.

Tại ngày mua, giá trị ghi sổ của tài sản thuần của SSP và giá phí hợp nhất kinh doanh như sau:

Tài sản	2.483.583.165.899
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.971.108.641
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	188.937.426.228
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	771.418.936.240
Trả trước cho người bán ngắn hạn	294.542.412.886

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phải thu ngắn hạn khác	64.521.546.361
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.627.954.407)
Hàng tồn kho	551.178.958.139
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	2.115.950.379
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	181.936.034.277
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15.319.260
Phải thu dài hạn khác	7.281.324.548
Tài sản cố định hữu hình	33.499.037.593
<i>Nguyên giá</i>	<i>132.188.470.634</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(98.689.433.041)</i>
Tài sản cố định thuê tài chính	177.619.584.864
<i>Nguyên giá</i>	<i>213.712.451.169</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(36.092.866.305)</i>
Tài sản cố định vô hình	29.125.953.570
<i>Nguyên giá</i>	<i>32.777.921.244</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(3.651.967.674)</i>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	25.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	158.760.000.000
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	8.262.527.320
Nợ phải trả	2.006.042.851.079
Phải trả người bán ngắn hạn	109.901.731.097
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	42.702.485.200
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	3.468.382.494
Phải trả người lao động	4.200.741.560
Chi phí phải trả ngắn hạn	592.864.766
Phải trả ngắn hạn khác	134.160.832.897
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.669.221.677.590
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.310.529.690
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	40.483.605.785
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần (a) ⁽ⁱ⁾	477.540.314.820
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b) ⁽ⁱⁱ⁾	501.608.750.105
Chênh lệch (a) - (b) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	(24.068.435.285)

⁽ⁱ⁾ Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của SSP được xác định theo số liệu Báo cáo tài chính tại ngày 28/02/2026.

⁽ⁱⁱ⁾ Giá phí hợp nhất kinh doanh được xác định dựa theo toàn bộ giá trị vốn chủ sở hữu của SSP được hoán đổi (501.608.750.105 VND), tương ứng 50.050.763 cổ phiếu (làm tròn) phát hành thêm với giá hoán đổi là 10.022 VND/cổ phiếu.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Chênh lệch giữa Giá trị ghi sổ của tài sản thuần được mua và Giá phí hợp nhất kinh doanh được ghi nhận vào chỉ tiêu "Vốn khác của chủ sở hữu", do đây là giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung.

Tiền chi thuận để mua công ty con:

Trả bằng tiền (*)

Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con tại ngày mua

(15.971.108.641)

Tiền chi thuận

15.971.108.641

(*) Công ty không phát sinh dòng tiền chi để mua công ty con do giao dịch được thực hiện thông qua phát hành cổ phiếu để hoán đổi phần vốn góp. Theo đó, sau khi trừ số tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con tại ngày mua, tiền chi thuận để mua công ty con được trình bày là dòng tiền dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5b. Danh sách công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam có trụ sở hoạt động tại Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100%.

6. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Nhóm Công ty có 403 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 59 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước không so sánh được với số liệu của kỳ này, do đây là kỳ đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty mẹ.

Trong kỳ, Nhóm công ty lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 và Thông tư 43 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Nhóm công ty.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán "SHE" theo Quyết định số 759/QĐ-SGDHN ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 25 tháng 01 năm 2019. Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 65.003.919 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99"),

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43"), cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Nhóm công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Nhóm công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Nhóm công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư 202 và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 43, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là giao dịch hợp nhất trong đó bên mua và bên bị mua cùng chịu sự kiểm soát của một bên hoặc các bên, cả trước và sau khi giao dịch hợp nhất kinh doanh diễn ra, và sự kiểm soát đó không mang tính tạm thời.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung, Nhóm Công ty áp dụng phương pháp giá trị ghi sổ. Theo đó, tài sản và nợ phải trả của bên bị mua được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất, không được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và không phát sinh lợi thế thương mại từ giao dịch hợp nhất.

Chênh lệch giữa giá phí của giao dịch và phần giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại bên bị mua tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

5. Tiền

Tiền của Nhóm Công ty chỉ bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn, không bị hạn chế sử dụng.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Nhóm Công ty vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Nhóm Công ty tại đơn vị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị được đầu tư tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Nhóm Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Nhóm Công ty như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng hoặc cho thuê liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 36 tháng).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định

Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng kể từ kỳ tài sản được sửa chữa, bảo dưỡng hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo (thường là 24 tháng).

Chi phí mua bảo hiểm trả trước

Chi phí mua đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Các chi phí chờ phân bổ khác

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm và bản chất của từng khoản chi phí.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê. Trường hợp không xác định được lãi suất ngầm định, lãi suất sử dụng là lãi suất ghi trong hợp đồng hoặc lãi suất biên đi vay của Nhóm Công ty tại thời điểm khởi đầu hợp đồng thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Nhóm Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê, tài sản cố định được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03-05

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty là Chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Việc xác định phương pháp kế toán áp dụng căn cứ vào bản chất thực tế của từng hợp đồng, đặc biệt là sự tồn tại hay không của quyền đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được xác định khi các quyết định liên quan đến các hoạt động chủ yếu của BCC đòi hỏi phải có sự đồng thuận của tất cả các bên có quyền kiểm soát chung, không phụ thuộc vào tỷ lệ góp vốn hay hình thức pháp lý của hợp đồng.

Trong mọi trường hợp, khi Nhóm Công ty là bên nhận tiền hoặc tài sản của các bên khác đóng góp cho BCC, khoản nhận này được ghi nhận là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

BCC mà Nhóm Công ty tham gia chỉ bao gồm BCC không đồng kiểm soát, trong đó, Nhóm Công ty là bên góp vốn và được hưởng lợi ích theo lợi nhuận sau thuế của BCC. Khoản góp vốn BCC này được ghi nhận là khoản đầu tư tài chính và được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo kỳ hạn còn lại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Lợi nhuận được chia từ BCC được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi Nhóm Công ty có quyền nhận. Dự phòng tổn thất (nếu có) được trích lập theo quy định về dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (xem Thuyết minh số IV.5).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Nhóm Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền Nhóm Công ty sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Dự phòng bảo hành được lập cho các sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành trên cơ sở ước tính chi phí bảo hành dự kiến phát sinh.

Từ năm 2021 trở về trước, mức dự phòng bảo hành được xác định theo tỷ lệ 2% doanh thu đối với sản phẩm Thái Dương Năng và 9,69% doanh thu đối với sản phẩm RO, trên cơ sở dữ liệu thực tế về chi phí bảo hành trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2021.

Từ năm 2022, Nhóm Công ty không trích lập bổ sung dự phòng chi phí bảo hành do thực tế không phát sinh đáng kể các trường hợp sản phẩm, hàng hóa bị hư hỏng phải thực hiện bảo hành. Số dư dự phòng đã trích lập trong các năm trước được tiếp tục theo dõi để bù đắp các chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.
- Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp thực nhận và giá trị vốn theo Điều lệ Công ty.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành từ chênh lệch giữa giá phí của giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung và phần giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại bên bị mua tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi Nhóm Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại hoặc hàng bán bị trả lại, Nhóm Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa. Nhóm Công ty không phát sinh chi phí đi vay đủ điều kiện vốn hóa trong kỳ.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Nhóm Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Nhóm Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Nhóm Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ tối cao và các công ty con khác có cùng công ty mẹ tối cao.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Nhóm Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Nhóm Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; hoặc
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	6.711.947.639	264.970.944
Tiền gửi không kỳ hạn	26.813.956.543	1.933.242.138
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	9.453.590.615	891.921.905
Ngân hàng TMCP Quân đội	4.549.018.198	946.198.225
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank	9.337.043.351	-
Các ngân hàng khác	3.474.304.379	95.122.008
Cộng	33.525.904.182	2.198.213.082

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn)	277.003.368.228	-	11.360.550.727	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	6.178.488.000	-	6.128.400.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.055.625.247	-	5.055.625.247	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	50.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng First Commercial Bank, Ltd	31.993.139.404	-	-	-
Ngân hàng TMCP Bắc Á	39.230.940.654	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	30.897.070.477	-	-	-
Các ngân hàng, tổ chức khác	108.463.250.000	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	5.184.854.446	-	176.525.480	-
Dài hạn (tiền gửi có kỳ hạn)	26.427.260	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	25.000.000	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.427.260	-	-	-
Cộng	277.029.795.488	-	11.360.550.727	-

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 2,1% - 4,9%/năm. Các khoản tiền gửi này được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại cùng ngân hàng (xem thuyết minh V.17).

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản góp vốn BCC với Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ ("TMC"/bên liên quan) tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam ("SSP"/công ty con).

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 01 tháng 12 năm 2022 với TMC về việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Bàu Bàng tại phường Long Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh, SSP tham gia góp 159.000.000.000 VND để thực hiện dự án. Hoạt động BCC này do TMC quản lý và điều hành, SSP không có quyền đồng kiểm soát đối với BCC và được hưởng lợi ích theo lợi nhuận sau thuế của BCC. Nhà máy Bàu Bàng đã bắt đầu hoạt động từ tháng 6 năm 2025 và đã có doanh thu từ tháng 10 năm 2025. Tuy nhiên, BCC chưa thực hiện phân chia lợi nhuận.

Giá trị có thể thu hồi

Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Không có biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	371.591.898.535	-	122.855.301.982	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	27.511.920	-	47.674.440	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	8.868.315.351	-	1.091.288.081	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà ^{(i),(ii)}	264.664.145.658	-	113.281.176.522	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	389.901.653	-	874.627.580	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	74.609.781.947	-	507.369.047	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	4.993.668.151	-	4.121.935.878	-
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	1.023.221.548	-	1.185.607.132	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	16.888.446.276	-	1.745.623.302	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Nước và Môi trường Sơn Hà GM Việt Nam	126.906.031	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	789.606.748.702 (7.032.834.877)		87.184.200.983 (5.434.880.470)	
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	53.524.156.740	-	29.305.595.316	-
Công ty TNHH Thương mại Inox Hà Đông	202.562.973.962	-	10.857.374.251	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	79.053.170.638	-	22.693.922.709	-
Công ty Điện lực Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Trung ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	175.588.240	-
Các khách hàng khác	454.466.447.362 (7.032.834.877)		24.151.720.467 (5.434.880.470)	
Cộng	1.161.198.647.237 (7.032.834.877)		210.039.502.965 (5.434.880.470)	
Trong đó:				
Phải thu khách hàng khu vực trong nước	873.191.936.448	-	210.039.502.965	-
Phải thu khách hàng khu vực nước ngoài	288.006.710.789	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà ("SHI"/Công ty mẹ tối cao) về việc cung cấp thành phẩm, hàng hóa. Theo Hợp đồng nguyên tắc với SHI, ngày đến hạn thanh toán được xác định trong vòng 12 ngày kể từ ngày kết thúc tháng nhập hàng (nếu trùng ngày nghỉ/lễ sẽ lùi sang ngày làm việc tiếp theo). Nếu SHI chậm thanh toán quá 3 ngày kể từ ngày đến hạn, SHI sẽ phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian vi phạm. Lãi suất áp dụng là lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng BIDV. Lãi suất áp dụng trong kỳ này là từ 8% - 12%/năm (cùng kỳ năm trước: 6,3%/năm).
- (ii) Quyền phải thu từ hợp đồng bán hàng của Công ty cho SHI và Hợp đồng mua bán điện số 66 ngày 11 tháng 12 năm 2020 đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh V.17).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	280.891.696.106	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (*)	280.891.696.106	-
Trả trước cho người bán khác	29.923.039.292	4.888.939.945
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sĩ	726.000.000	726.000.000
Guangxi Quinbao International Trade Co.,Ltd	2.469.973.533	2.470.185.575
Shandong Xinhe Optothermal Co., Ltd	312.097.440	786.821.988
Các nhà cung cấp khác	26.414.968.319	905.932.382
Cộng	310.814.735.398	4.888.939.945
Trong đó:		
Trả trước nhà cung cấp khu vực trong nước	284.743.444.250	1.066.539.824
Trả trước nhà cung cấp khu vực nước ngoài	26.071.291.148	3.822.400.121

(*) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà ("SHI"/Công ty mẹ tối cao) để đặt mua nguyên vật liệu, hàng hóa. Theo hợp đồng nguyên tắc với SHI, đối với các đơn đặt hàng bị chậm giao hàng với thời hạn giao hàng được quy định trên đơn đặt hàng từ 30 ngày trở lên, SHI sẽ phải thanh toán cho Công ty tiền lãi tương ứng với số tiền ứng trước của các đơn đặt hàng này. Lãi suất áp dụng là lãi suất trung bình tại các ngân hàng mà Công ty có giao dịch cộng thêm (+) 1%. Lãi suất áp dụng trong kỳ này là 9,12%/năm (Cùng kỳ năm trước: 9,12%/năm).

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	44.859.576.015	-	-	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	44.480.497.689	-	-	-
Thu chi hộ	2.039.497	-	-	-
Lãi dự thu tính trên khoản trả trước nhà cung cấp (thuyết minh V.4)	44.478.458.192	-	-	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Bắc Ninh - Thu chi hộ	379.078.326	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	19.171.691.190	-	1.105.282.500	(1.072.000.000)
Tạm ứng	3.803.825.564	-	-	-
Ký cược, ký quỹ ⁽ⁱ⁾	12.747.679.268	-	23.000.000	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	7.110.852.970	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.376.509.112	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</i>	2.964.565.998	-	-	-
<i>Các ngân hàng và tổ chức khác</i>	295.751.188	-	-	-
Phải thu về mua cổ phần	1.072.000.000	(1.072.000.000)	1.072.000.000	(1.072.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.548.186.358	-	10.282.500	-
Cộng	64.031.267.205	(1.072.000.000)	1.105.282.500	(1.072.000.000)

- (i) Các khoản ký quỹ bảo lãnh tại các Ngân hàng được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (công ty con) (xem thuyết minh V.17).

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.907.068.000	-	-	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV-SuMi TRUST	1.374.256.548	-	-	-
Cộng	7.281.324.548	-	-	-

Các khoản ký quỹ này được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản nợ thuê tài chính (xem thuyết minh V.17).

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ông Kiều Thanh Phong	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Ông Nguyễn Văn Thảo	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Công ty TNHH Xe máy Xe điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng	4.285.142.584	(4.285.142.584)	4.315.142.584	(4.315.142.584)
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ	1.845.737.886	(1.845.737.886)	1.845.737.886	(1.845.737.886)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.627.954.407	(1.627.954.407)	-	-
Cộng	8.830.834.877	(8.830.834.877)	7.232.880.470	(7.232.880.470)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	7.232.880.470	3.390.388.821
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.627.954.407	-
Hoàn nhập dự phòng (*)	(30.000.000)	(10.000.000)
Số cuối kỳ	8.830.834.877	3.380.388.821

(*) Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập một phần dự phòng của Công ty TNHH Xe máy Xe điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng do đã thu hồi được công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	370.833.551.528	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	342.332.034.448	(354.141.941)	46.995.269.542	(354.141.941)
Công cụ, dụng cụ	3.339.585.635	-	802.306.629	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	466.330.271	-	307.459.652	-
Sản phẩm	212.958.417.053	(3.152.719.688)	8.571.212.715	(3.152.719.688)
Hàng hóa	21.576.065.818	-	6.093.884.118	-
Cộng	951.505.984.753	(3.506.861.629)	62.770.132.656	(3.506.861.629)

Một số hàng tồn kho luân chuyển tại công ty con có giá trị ghi sổ là 203.095.689.801 VND đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh V.17).

8. Chi phí chờ phân bổ

8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	233.983.099	94.769.710
Chi phí bảo hiểm	365.226.589	56.076.598
Chi phí LC trả trước	875.488.950	-
Chi phí thuê mặt bằng hội chợ	210.809.950	-
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	1.282.111.460	-
Cộng	2.967.620.048	150.846.308

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	8.336.199.214	409.926.329
Chi phí sửa chữa	1.016.990.512	-
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	891.978.098	71.392.162
Cộng	10.245.167.824	481.318.491

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.100.281.195	36.437.764.399	1.698.620.471	170.108.498	39.406.774.563
Mua trong kỳ	-	579.666.647	-	-	579.666.647
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.990.313.595	122.008.394.581	5.480.531.612	1.709.230.846	132.188.470.634
Tăng từ mua tài sản thuê tài chính	-	66.719.231.489	-	-	66.719.231.489
Số cuối kỳ	4.090.594.790	225.745.057.116	7.179.152.083	1.879.339.344	238.894.143.333

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	255.307.273	73.689.787.260	2.368.123.884	261.108.498	76.574.326.915
---------------------------------------	-------------	----------------	---------------	-------------	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	353.746.321	16.447.449.595	1.308.929.077	170.108.498	18.280.233.491
Khấu hao trong kỳ	156.277.032	4.165.229.867	187.382.825	89.901.736	4.598.791.460
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.118.993.597	91.482.985.191	3.715.354.515	1.372.099.738	98.689.433.041
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	28.410.430.322	-	-	28.410.430.322
Số cuối kỳ	2.629.016.950	140.506.094.975	5.211.666.417	1.632.109.972	149.978.888.314
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	746.534.874	19.990.314.804	389.691.394	-	21.126.541.072
Số cuối kỳ	1.461.577.840	85.238.962.141	1.967.485.666	247.229.372	88.915.255.019
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng		-	-	-	-
Đang chờ thanh lý		-	-	-	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định hữu hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Dự án Điện Mặt trời áp mái tại Cảng Cá - Quảng Nam	10.127.932.727	(2.813.768.427)	7.314.164.300
Dự án Điện Mặt trời áp mái tại Khu công nghiệp Chu Lai - Quảng Nam	13.365.873.933	(3.713.341.629)	9.652.532.304
Bộ máy cán	36.528.153.145	(15.150.967.466)	21.377.185.679
Các tài sản cố định hữu hình khác	178.872.183.528	(128.300.810.792)	50.571.372.736
Cộng	238.894.143.333	(149.978.888.314)	88.915.255.019

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 13.551.856.918 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh V.17).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là máy móc thiết bị.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong kỳ	11.089.926.667		11.089.926.667
Tăng do hợp nhất kinh doanh	213.712.451.169	(36.092.866.305)	177.619.584.864
Khấu hao trong kỳ	-	(6.666.768.618)	(6.666.768.618)
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(66.719.231.489)	28.410.430.322	(38.308.801.167)
Số cuối kỳ	158.083.146.347	(14.349.204.601)	143.733.941.746

Không có tài sản nào chiếm từ 10% giá trị tài sản cố định thuê tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	159.181.000	(159.181.000)	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	32.777.921.244	(3.651.967.674)	29.125.953.570
Khấu hao trong kỳ	-	(548.498.360)	(548.498.360)
Số cuối kỳ	32.937.102.244	4.359.647.034	28.577.455.210

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định vô hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phần mềm SAP	32.619.901.244	(4.077.487.680)	28.542.413.564
Các tài sản cố định vô hình khác	317.201.000	(282.159.354)	35.041.646
Cộng	32.937.102.244	(4.359.647.034)	28.577.455.210

Tài sản cố định vô hình là phần mềm SAP có giá trị còn lại theo sổ sách 28.542.413.564 VND đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.17).

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	46.414.789.939	36.382.691.965
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (công ty con từ 24/02/2026)	-	26.975.492.825
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	46.021.801.372	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	-	2.880.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	116.496.878	9.135.676.960
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	64.714.960	134.321.090
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar	211.776.729	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	400.544.588.848	7.108.367.555
Hong Kong Rui Pu Co., Limited	139.423.166.482	-
Kevin International Limited	48.332.166.477	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An	42.361.042.190	-
Các nhà cung cấp khác	170.428.213.699	7.108.367.555
Cộng	446.959.378.787	43.356.738.430
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả nhà cung cấp khu vực trong nước	177.458.677.645	42.047.372.746
Phải trả nhà cung cấp khu vực nước ngoài	269.500.701.142	1.309.365.684

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Castrol Gogoro Mobility (*)	22.449.730.828	-
XK.American Steel Warehouse, S.A. de C.V	6.308.833.563	-
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Nghệ An	440.000.000	440.000.000
Các khách hàng khác	25.855.769.143	24.004.578
Cộng	55.054.333.534	464.004.578
<i>Trong đó:</i>		
Trả trước khách hàng khu vực trong nước	29.597.346.530	464.004.578
Trả trước khách hàng khu vực nước ngoài	25.456.987.004	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đại An (*)	90.209.141.147	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	472.789.088	50.488.580
Cộng	143.298.399.411	342.356.253

(*) Các khoản phải trả ngân hàng về LC Upas, LC nội địa, bao thanh toán theo các hợp đồng tín dụng với các ngân hàng, thời hạn thanh toán không quá 12 tháng. Sau thời hạn trên nếu không thanh toán, khoản phải trả được chuyển thành khoản vay.

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng(*)	2.022.244.280.651	86.260.763.667
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	448.324.150.935	19.101.072.343
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa	56.901.161.739	53.564.252.453
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội	13.560.668.485	13.595.438.871
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	391.014.842.109	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức	215.727.820.060	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Kinh Đô	47.938.027.432	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	70.876.392.640	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	86.536.961.330	-
Ngân hàng First Commercial Bank, Ltd - Chi nhánh Thăng Long	75.047.654.405	-
Ngân hàng ESUN Bank - Chi nhánh Đồng Nai	78.779.109.845	-
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	3.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đại An	6.015.194.222	-
Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Cầu Giấy	195.186.506.837	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	169.155.858.655	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	114.945.993.411	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	49.233.938.546	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.17b)	3.950.027.983	1.480.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	1.480.000.000	1.480.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	2.470.027.983	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.17b)	20.992.134.103	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	16.884.638.947	-
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội	4.107.495.156	-
Cộng	2.047.186.442.737	87.740.763.667

(*) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng, thời hạn không quá 12 tháng, để bổ sung vốn lưu động, mở LC phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất từ 6,5% - 14%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về các khoản vay Ngân hàng ngắn hạn như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Hạn mức</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	550 tỷ VND	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; máy móc thiết bị
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Đa	85 tỷ VND	Quyền đòi nợ phát sinh từ các Hợp đồng nguyên tắc giữa bên thế chấp và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội	30 tỷ VND, trong đó hạn mức không có tài sản đảm bảo là 15 tỷ	Cam kết trả nợ thay của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	400 tỷ VND	1.120.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Vĩnh Sơn, Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà thuộc sở hữu của Ông Lê Vĩnh Sơn và bà Trần Thị Kim Dung, hàng tồn kho, các khoản phải thu, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, ... theo tỷ lệ tài sản đảm bảo.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức	225 tỷ VND	Hợp đồng tiền gửi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, ... theo tỷ lệ tài sản đảm bảo.
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Kinh Đô	178 tỷ VND	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hàng hóa tồn kho, luân chuyển
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	300 tỷ VND	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hàng hóa tồn kho, luân chuyển
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	150 tỷ VND	Khoản vay được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng First Commercial Bank, Ltd - Chi nhánh Thăng Long	4 triệu USD	Khoản vay được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng ESUN Bank - Chi nhánh Đồng Nai	2 triệu USD	Hợp đồng bảo lãnh liên đới giữa ông Lê Vĩnh Sơn và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	130 tỷ VND	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, quyền phải thu khách hàng
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đại An	100 tỷ VND	Hàng hóa tồn kho, luân chuyển và quyền phải thu khách hàng
Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Cầu Giấy	200 tỷ VND	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hàng hóa tồn kho, luân chuyển
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	200 tỷ VND	Bất động sản của ông Lê Vĩnh Sơn và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	300 tỷ VND	Hợp đồng tiền gửi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, ... theo tỷ lệ tài sản đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	50 tỷ VND	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	86.260.763.667	1.480.000.000	-	87.740.763.667
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	1.711.342.003.759	-	-	1.711.342.003.759
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	1.885.596.464	11.702.659.269	13.588.255.733
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.648.428.309.887	2.241.750.259	18.551.617.444	1.669.221.677.590
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	1.924.960.713	-	-	1.924.960.713
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(1.425.711.757.375)	(1.657.318.740)	(9.262.142.610)	(1.436.631.218.725)
Số cuối kỳ	<u>2.022.244.280.651</u>	<u>3.950.027.983</u>	<u>20.992.134.103</u>	<u>2.047.186.442.737</u>

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn	1.110.547.397	1.465.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An	725.000.000	1.465.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	385.547.397	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	30.747.366.402	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	25.466.668.180	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV-SuMi TRUST	5.280.698.222	-
Cộng	31.857.913.799	1.465.000.000

Thông tin về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

Bên cho vay	Mục đích	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An	Đầu tư dự án hệ thống pin năng lượng mặt trời công suất 998 kWp	84 tháng	Quyền thu hồi công nợ bán điện từ hệ thống điện mặt trời mái nhà theo Hợp đồng mua bán điện số 66 ngày 11 tháng 12 năm 2020 ký với Tổng công ty Điện lực Miền Trung và máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời Chu Lai
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Tây Hà Nội	Thanh toán một phần phí triển khai phần mềm SAP S/4 HANA	48 tháng	Tài sản vô hình là phần mềm SAP
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Thuê tài chính các máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	60 tháng	
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV – SumiTRUST	Thuê tài chính các máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Số cuối kỳ			
Vay dài hạn ngân hàng	5.060.575.380	3.950.027.983	1.110.547.397
Nợ thuê tài chính	51.739.500.505	20.992.134.103	30.747.366.402
Cộng	56.800.075.885	24.942.162.086	31.857.913.799
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	2.945.000.000	1.480.000.000	1.465.000.000
Cộng	2.945.000.000	1.480.000.000	1.465.000.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	1.465.000.000	-	1.465.000.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	3.497.563.747	3.497.563.747
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.531.143.861	38.952.461.924	40.483.605.785
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(1.885.596.464)	(11.702.659.269)	(13.588.255.733)
Số cuối kỳ	1.110.547.397	30.747.366.402	31.857.913.799

18. Dự phòng phải trả

18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa.

18b. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	867.486.577	867.486.577
Dự phòng trợ cấp thôi việc	47.218.500	47.218.500
Cộng	914.705.077	914.705.077

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.516.339.246	1.505.891.640
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	122.497.606
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.310.529.690	-
Tăng do thu lại quỹ	400.000	-
Chi quỹ	-	(112.050.000)
Số cuối kỳ	2.827.268.936	1.516.339.246

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	115.025.160.000	-	-	4.406.859.603	31.168.870.725	150.600.890.328
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	5.391.869.420	5.391.869.420
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(122.497.606)	(122.497.606)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(168.263.737)	(168.263.737)
Số dư cuối kỳ trước	115.025.160.000	-	-	4.406.859.603	36.269.978.802	155.701.998.405

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	149.531.560.000	-	-	-	13.310.000.565	162.841.560.565
Tăng vốn để hoán đổi phần vốn góp (*)	500.507.630.000	1.101.120.105	(24.068.435.285)	-	-	477.540.314.820
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	22.403.830.711	22.403.830.711
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(174.000.000)	(174.000.000)
Số dư cuối kỳ này	650.039.190.000	1.101.120.105	(24.068.435.285)	-	35.539.831.276	662.611.706.096

(*) Xem thuyết minh I.5a.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	575.837.270.000	75.329.640.000
Các cổ đông khác	74.201.920.000	74.201.920.000
Cộng	650.039.190.000	149.531.560.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	65.003.919	14.953.156
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	65.003.919	14.953.156
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	65.003.919	14.953.156
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/SHE ngày 31 tháng 3 năm 2026 như sau:

	VND
• Thù lao HĐQT, BKS	174.000.000

21. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

21a. Tài sản thuê ngoài

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trọng tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.171.086.188	2.171.086.188
Trên 1 năm đến 5 năm	4.704.020.074	6.513.258.564
Cộng	6.875.106.262	8.684.344.752

21b. Tài sản cầm cố, thế chấp

	Thuyết minh	Giá trị sổ sách	Bên nhận cầm cố, thế chấp
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	271.843.513.782	11.184.025.247
Tiền gửi có kỳ hạn		8.678.488.000	6.128.400.000
Tiền gửi có kỳ hạn		21.555.625.247	5.055.625.247
Tiền gửi có kỳ hạn		50.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn		31.993.139.404	-
			Ngân hàng TMCP Quân đội
			Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
			Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
			Ngân hàng First Commercial Bank, Ltd

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Thuyết minh	Giá trị số sách		Bên nhận cầm cố, thế chấp
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Tiền gửi có kỳ hạn		39.230.940.654		Ngân hàng TMCP Bắc Á
Tiền gửi có kỳ hạn		30.897.070.477	-	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn		17.100.000.000	-	Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank
Tiền gửi có kỳ hạn		5.000.000.000	-	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn		15.610.000.000	-	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn		20.278.250.000	-	Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN
Tiền gửi có kỳ hạn		7.500.000.000	-	Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Tiền gửi có kỳ hạn		24.000.000.000	-	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Phải thu khách hàng	V.3	141.328.701.876	113.456.764.762	
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà		141.328.701.876	113.281.176.522	Ngân hàng TMCP Quân đội
Công ty Điện lực Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Trung		-	175.588.240	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	12.724.679.268	-	
Ký quỹ bảo lãnh		2.964.565.998	-	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
Ký quỹ bảo lãnh		2.376.509.112	-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Ký quỹ bảo lãnh		7.110.852.970	-	Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Ký quỹ bảo lãnh		2.759.195	-	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Ký quỹ bảo lãnh		269.991.993	-	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Phải thu dài hạn khác	V.5b	7.281.324.548	-	
Ký quỹ bảo lãnh		5.907.068.000	-	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Ký quỹ bảo lãnh		1.374.256.548	-	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV-SuMi TRUST
Hàng tồn kho	V.7	203.095.689.801	-	Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Tài sản cố định hữu hình	V.9	13.551.856.918	10.941.233.464	
Máy đột dùng điện JT 30 - 15.5W		882.961.438	954.554.308	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Máy bao gói ống		360.453.346	-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Các tài sản khác		2.587.820.705	-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Dự án Điện Mặt trời áp mái tại Khu công nghiệp Chu Lai, Quảng Nam		9.652.532.304	9.986.679.156	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Các tài sản khác		68.089.125	-	Ngân hàng TMCP Quân đội
Tài sản cố định vô hình – Phần mềm SAP	V.11	28.542.413.564		Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Cộng		678.368.179.757	135.582.023.473	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thế chấp tài sản có hiệu lực đến thời điểm các nghĩa vụ bảo đảm đã được thực hiện xong và các bên hoàn tất thủ tục giải chấp, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm.

21c. Nợ khó đòi đã xử lý

Nợ khó đòi đã xử lý chỉ bao gồm khoản nợ quá hạn trên 3 năm của Ông Hoàng Trọng Thủy, đã được trích lập dự phòng 100% từ các năm trước. Công ty đã thu hồi được một phần công nợ và hoàn nhập dự phòng tương ứng; phần còn lại không có khả năng thu hồi, với số tiền 87.000.000 VND, đã được xóa sổ theo quy định.

21d. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	362.506,56	-
Euro (EUR)	152,43	-
Russian Ruble (RUB)	6.205,69	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	75.289.119.427	143.108.610.821
Doanh thu bán thành phẩm	1.914.850.595.432	54.976.893.401
Doanh thu bán điện	1.881.752.120	2.054.969.448
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.393.169.987	650.491.411
Cộng	1.993.414.636.966	200.790.965.081
Trong đó:		
Doanh thu nội địa	1.109.240.752.050	200.790.965.081
Doanh thu xuất khẩu	884.173.884.916	-

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan trong kỳ là 301.577.771.264 VND (Cùng kỳ năm trước: 69.616.271.913 VND).

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	9.361.320.569	1.029.647.911
Hàng bán bị trả lại	917.727.655	2.355.806.522
Cộng	10.279.048.224	3.385.454.433

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	74.925.173.240	140.268.458.624
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.770.005.545.889	44.025.746.862
Giá vốn điện	760.581.514	860.411.489

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ	663.035.967	91.587.627
Cộng	1.846.354.336.610	185.246.204.602
Trong đó:		
Giá vốn nội địa	1.025.520.973.082	185.246.204.602
Giá vốn xuất khẩu	820.833.363.528	-
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	10.652.992	1.180.847
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.859.054.846	154.288.502
Lãi chậm thanh toán theo hợp đồng (xem thuyết minh V.3)	6.603.559.052	2.652.557.836
Lãi tính trên số dư khoản trả trước nhà cung cấp (xem thuyết minh V.4)	8.083.400.570	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.729.848.314	15.181.357
Cộng	23.286.515.774	2.823.208.542
5. Chi phí tài chính		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	50.519.160.796	2.438.842.307
Chiết khấu thanh toán cho người mua	8.738.469.885	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.695.599.102	39.087.529
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.313.298.594	-
Cộng	63.266.528.377	2.477.929.836
6. Chi phí bán hàng		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.744.276.272	26.648.274
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.432.872.222	271.917.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.345.130	42.511.794
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.240.425.769	44.526.285
Chi phí vận chuyển, xuất khẩu	36.482.191.065	-
Các chi phí khác	7.756.262.581	506.585.078
Cộng	56.703.373.039	892.188.790
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.393.255.742	2.481.886.041
Chi phí vật liệu quản lý	40.871.344	4.402.734
Chi phí đồ dùng văn phòng	330.486.308	43.190.008
Chi phí khấu hao tài sản cố định	648.077.152	70.167.276
Thuế, phí và lệ phí	-	4.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(30.000.000)	(10.000.000)
Chi phí LC trả chậm	2.788.213.296	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.748.346.718	1.401.232.622
Các chi phí khác	873.482.092	203.885.762
Cộng	13.792.732.652	4.198.764.443

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	22.403.830.711	5.391.869.420
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.403.830.711	5.391.869.420
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	48.135.982	14.953.156
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	465	361

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.953.156	14.953.156
Ảnh hưởng của 50.050.763 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 03/3/2026	33.182.826	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	48.135.982	14.953.156

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.752.687.077.568	37.480.082.427
Chi phí nhân công	25.899.607.191	6.215.086.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.814.058.438	1.004.399.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.608.660.860	3.399.155.933
Chi phí khác	20.701.639.792	2.085.228.932
Giá mua hàng hóa	74.925.173.240	140.268.458.624
Chênh lệch số dư cuối kỳ - đầu kỳ của hàng tồn kho (chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, sản phẩm)	(56.785.774.788)	(115.253.943)
Cộng	1.916.850.442.301	190.337.157.835

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc	250.349.199	-
Phát hành cổ phiếu tăng vốn để hoán đổi phần vốn góp tại SSP	501.608.750.105	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Mạnh Tân	Phó Chủ tịch HĐQT	300.000.000	9.000.000	309.000.000
Ông Trần Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	240.000.000	9.000.000	249.000.000
Bà Nông Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	-	4.500.000	4.500.000
Ông Nguyễn Đình Quý	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Bà Lương Diệu Cẩm	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Bà Trịnh Thị Kim Anh	Kế toán trưởng	173.677.133	-	173.677.133
Bà Nguyễn Thị Gấm	Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Lê Thị Thảo	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Ông Trần Văn Thi	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Cộng		713.677.133	82.500.000	796.177.133
Kỳ trước				
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Mạnh Tân	Phó Chủ tịch HĐQT	777.542.900	9.000.000	786.542.900
Ông Trần Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	180.000.000	9.000.000	189.000.000
Bà Nông Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Đình Quý	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Bà Lương Diệu Cẩm	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Ông Đinh Đức Tuấn	Phó Giám đốc	288.108.450	-	288.108.450
Bà Trịnh Thị Kim Anh	Kế toán trưởng	163.193.360	-	163.193.360
Bà Nguyễn Thị Gấm	Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Lê Thị Thảo	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Ông Trần Văn Thi	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Cộng		1.408.844.710	87.000.000	1.495.844.710

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Cùng công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar	Cùng công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Cùng công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ (Toàn Mỹ)	Cùng công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sơn Hà Sài Gòn)	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn

Trong kỳ, Nhóm Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.196.677.439	60.398.056.129
Chiết khấu thương mại	-	947.600.000
Hàng bán bị trả lại	22.485.646	46.533.502
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	98.295.260.445	72.619.300.761
Lãi chậm thanh toán theo hợp đồng	6.603.559.052	2.652.557.836
Lãi tính trên số dư khoản trả trước nhà cung cấp	8.083.400.570	-
Thuê nhà xưởng	1.135.274.600	1.383.712.088
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	287.427.100	128.613.522
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	-	26.848.148
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar		
Sử dụng dịch vụ	255.553.420	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.365.475.842	1.395.124.209
Chiết khấu thương mại	32.000.000	82.047.911
Hàng bán bị trả lại	1.002.600	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	25.333.334	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.263.900.291	854.593.020
Chiết khấu thương mại	149.505.390	-
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	13.222.717.210	210.000
Trả lại hàng mua	2.053.156	-
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.512.480.392	1.284.187.300
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	832.094.810	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.751.193.745	196.992.625
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	63.519.152.093	13.598.856.678
Trả lại hàng mua	41.343.356	9.846.095

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.902.288.423	3.992.877.842
Hàng bán bị trả lại	9.082.600	10.837.700
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	62.750.000	61.299.630
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.104.463.488	1.245.859.300
Chiết khấu thương mại	7.322.096.283	-
Hàng bán bị trả lại	219.298.384	38.274.070
Chiết khấu thanh toán	6.247.484.550	-
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	148.410.000	109.936.400
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	136.363.636	136.363.636

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.5, V.12 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Nhóm Công ty chủ yếu là sản xuất kinh doanh thiết bị năng lượng, đồ dùng kim loại.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Nhóm Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu).

Thông tin về doanh thu, giá vốn khu vực nội địa và xuất khẩu được trình bày ở Thuyết minh VI.1 và VI.3. Tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của Công ty chỉ tập trung ở khu vực nội địa.

Tài sản và nợ phải trả của khách hàng/nhà cung cấp khu vực trong nước và nước ngoài được trình bày ở Thuyết minh V.3, V.4, V.12 và V.13. Các tài sản và nợ phải trả còn lại không được theo dõi theo bộ phận.

3. Thông tin so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, Nhóm Công ty áp dụng Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026. Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Nhóm Công ty đã thực hiện điều chỉnh cách trình bày một khoản mục của kỳ trước để phản ánh phù hợp hơn bản chất của giao dịch.

Ảnh hưởng của việc áp dụng quy định của Thông tư 99 và điều chỉnh nêu trên đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ					
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	11.184.025.247	176.525.480	11.360.550.727	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	135	1.281.807.980	(176.525.480)	1.105.282.500	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ					
Doanh thu hoạt động tài chính	22	170.650.706	2.652.557.836	2.823.208.542	(ii)
Thu nhập khác	31	2.690.946.259	(2.652.557.836)	38.388.423	

- (i) Trình bày lại các khoản dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn từ chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn”.
- (ii) Trình bày lại khoản thu lãi chậm thanh toán từ chỉ tiêu “Thu nhập khác” sang chỉ tiêu “Doanh thu hoạt động tài chính”.

4. Các giả định và ước tính quan trọng

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban điều hành phải xây dựng các ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ tiềm tàng/tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như số liệu về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và giả định này.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh IV.7 và V.3);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh IV.8 và V.7);
- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh IV.10 và V.9);
- Dự phòng bảo hành sản phẩm (Thuyết minh IV.15 và V.18).

Các ước tính và giả định nêu trên được Ban điều hành xây dựng trên cơ sở thông tin và kinh nghiệm tốt nhất hiện có và được xem xét, đánh giá lại tại mỗi kỳ báo cáo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trên cơ sở đánh giá các yếu tố không chắc chắn liên quan đến các ước tính và giả định nêu trên, Ban điều hành xác định không có nội dung trọng yếu cần thuyết minh bổ sung về mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra các trường hợp khác nhau hoặc các biện pháp dự kiến thực hiện trong kỳ kế toán tiếp theo.

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở và phương pháp xác định các ước tính kế toán so với các cơ sở và phương pháp đã áp dụng khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Trần Thị Thùy Liên

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Kim Anh

Người đại diện theo pháp luật



Trần Ngọc Hùng